

NGHỊ ĐỊNH

Về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức¹

Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.²

¹ Tên Nghị định này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

² Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành khoản 3 Điều 20 và khoản 2 Điều 23 của Luật Thỏa thuận quốc tế về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh³ cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;⁴ Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức (sau đây gọi chung là đơn vị trực thuộc).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.⁵ Nghị định này được áp dụng đối với việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh các cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp Cục);
- b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);
- c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp Sở);
- d) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật về khu vực biên giới (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới);
- đ) Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp tỉnh của tổ chức).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không bao gồm các cơ quan, đơn vị trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.

³ Cụm từ “tổng cục” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KÝ KẾT THỎA THUẬN QUỐC TẾ NHÂN DANH ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 3. Nội dung của thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

1. Thỏa thuận quốc tế được thể hiện bằng văn bản, nêu ý định hợp tác thông qua các hoạt động cụ thể trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị trực thuộc đó. Thỏa thuận quốc tế phải có những nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên gọi của văn bản;
- b) Tên các bên ký kết;
- c) Lĩnh vực, nội dung, phương thức hợp tác;
- d) Thời điểm bắt đầu có hiệu lực, thời hạn hiệu lực;
- đ) Ngày ký, địa điểm ký, ngôn ngữ ký;
- e) Họ tên, chức danh của người đại diện ký.

2. Thỏa thuận quốc tế có thể có các nội dung khác như cơ chế trao đổi thông tin, bảo mật, chi phí, giải quyết tranh chấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận quốc tế.

3. Nội dung của thỏa thuận quốc tế phải thể hiện thỏa thuận quốc tế đó không có giá trị ràng buộc về pháp lý.

4. Nội dung thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới phải phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế.

5. Nội dung thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của tổ chức đó.

Điều 4. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Cục

1. Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp Cục lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị tham mưu về công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế (sau đây gọi tắt là đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế) và các tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó.

2. Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan cấp Cục quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

4.⁶ Cục trưởng tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế.

5. Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp Cục báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ bằng văn bản, đồng thời gửi đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế thuộc bộ bản sao thỏa thuận quốc tế để thông báo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

Điều 5. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở

1. Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp Sở lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị tham mưu về công tác ngoại vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh), các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

2. Các cơ quan được lấy ý kiến nêu tại khoản 1 Điều này trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

3. Cơ quan cấp Sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

5. Người đứng đầu cơ quan cấp Sở tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế.

6. Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp Sở báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh bản sao thỏa thuận quốc tế để thông báo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

⁶ Cụm từ “Tổng cục trưởng” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 6.⁷ (được bãi bỏ)

Điều 7. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới⁸

1. Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới gửi hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh.
2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cho ý kiến nêu tại khoản 2 Điều này.
4. Trong trường hợp cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh không cho ý kiến nêu tại khoản 2 Điều này, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Công an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này.
5. Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến nêu tại khoản 4 Điều này trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới.
6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh quy định tại Điều 12 của Nghị định này.
7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế.
8. Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh bản sao thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 8. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức

1. Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

2. Trường hợp Điều lệ của tổ chức có quy định về việc xin ý kiến của cơ quan trung ương của tổ chức, ngoài việc lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan trung ương của tổ chức.

3. Các cơ quan được lấy ý kiến nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

4. Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức trình cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của cơ quan cấp tỉnh của tổ chức đó cho ý kiến về việc ký kết thỏa thuận quốc tế sau khi nhận được văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của cơ quan cấp tỉnh của tổ chức quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

6. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh của tổ chức tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế sau khi nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức báo cáo cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của tổ chức đó bằng văn bản, đồng thời gửi cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh bản sao thỏa thuận quốc tế để thông báo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

Điều 9. Các trường hợp lấy ý kiến của cơ quan cấp bộ

1. Trường hợp thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5⁹ Nghị định này, đơn vị trực thuộc trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc

⁹ Cụm từ “khoản 1 Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

phòng. Bộ Quốc phòng trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.

2. Trường hợp thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc có nội dung liên quan đến an ninh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5¹⁰, Nghị định này, đơn vị trực thuộc trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Công an. Bộ Công an trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.

3. Trường hợp thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc có nội dung liên quan đến đầu tư, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5¹¹ Nghị định này, đơn vị trực thuộc trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính¹². Bộ Tài chính¹³ trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao nếu xét thấy thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại. Trình tự, thủ tục xin ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Thỏa thuận quốc tế.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc sau khi nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan cấp bộ quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này.

¹⁰ Cụm từ “khoản 1 Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹¹ Cụm từ “khoản 1 Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹² Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Tài chính” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹³ Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Tài chính” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 10. Nội dung quyết định cho phép ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

1. Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép ký kết thỏa thuận quốc tế phải được thể hiện bằng văn bản bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên gọi thỏa thuận quốc tế và tên các bên ký kết thỏa thuận quốc tế;
- b) Người đại diện ký thỏa thuận quốc tế;
- c) Yêu cầu về việc đăng tải thỏa thuận quốc tế;
- d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế;
- đ) Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế.

2. Quyết định cho phép ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức bao gồm các nội dung tại điểm a, b, c và đ của khoản 1 Điều này.

Điều 11. Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

Hồ sơ lấy ý kiến quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5¹⁴, khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 bao gồm:

1. Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích của việc ký kết thỏa thuận quốc tế; nội dung chính của thỏa thuận quốc tế; đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam, tác động của thỏa thuận quốc tế dự định ký kết; việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế và Điều 3 của Nghị định này; kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật thỏa thuận quốc tế.

2. Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

¹⁴ Cụm từ “khoản 2 Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 12. Hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

Hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5¹⁵, khoản 6 Điều 7¹⁶ và khoản 5 Điều 8 của Nghị định này bao gồm:

1. Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có).

2. Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5¹⁷, khoản 5 Điều 7¹⁸, khoản 3 Điều 8 và khoản 1 và khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 9 của Nghị định này.

3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

4. Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN, CHẤM DỨT HIỆU LỰC, RÚT KHỎI, TẠM ĐÌNH CHỈ THỰC HIỆN THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

1. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế được thực hiện tương tự như quy định tại Điều 4, Điều 5¹⁹, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này.

¹⁵ “Cụm từ “khoản 3 Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁶ Cụm từ “khoản 5 Điều 7” được thay thế bởi cụm từ “khoản 6 Điều 7” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁷ Cụm từ “khoản 2 Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁸ Cụm từ “khoản 4 Điều 7” được thay thế bởi cụm từ “khoản 5 Điều 7” theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁹ Cụm từ “Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Cơ quan cấp Cục, cơ quan cấp Sở²⁰ thông báo bằng văn bản cho đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế thuộc bộ, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn có hiệu lực.

3.²¹ Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản và thông báo bằng văn bản cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn có hiệu lực.

4. Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của tổ chức đó và cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn có hiệu lực.

Điều 14. Chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

1. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế được thực hiện tương tự như quy định tại Điều 4, Điều 5²², Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này.

2. Cơ quan cấp Cục, cơ quan cấp Sở²³ thông báo bằng văn bản cho đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế thuộc Bộ, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện có hiệu lực.

3.²⁴ Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản và thông báo bằng văn bản cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế

²⁰ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²² Cụm từ “Điều 6” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²³ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện có hiệu lực.

4. Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của tổ chức đó và cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện có hiệu lực.

Chương IV

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN THỎA THUẬN QUỐC TẾ NHÂN DANH ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quản lý hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Quản lý hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc theo các quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 42 Luật Thỏa thuận quốc tế;

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật, giám sát, kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc theo các quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 46 Luật Thỏa thuận quốc tế;

c) Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức ký kết thỏa thuận quốc tế thực hiện chế độ báo cáo về công tác thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này.

3. Đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế thuộc bộ, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh tiếp nhận báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc, tổng hợp xây dựng báo cáo của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc quy định tại Điều 16 của Nghị định này.

4. Cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của cơ quan cấp tỉnh của tổ chức chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

Điều 16. Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

1. Cơ quan, tổ chức ký kết thỏa thuận quốc tế thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và dự kiến ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:

- a) Cơ quan cấp Cục gửi báo cáo cho đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế thuộc bộ.
- b) Cơ quan cấp Sở gửi báo cáo cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh.
- c)²⁵ Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới gửi báo cáo cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh.
- d) Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức gửi báo cáo cho cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của cơ quan cấp tỉnh của tổ chức, đồng thời gửi cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng báo cáo về tình hình và dự kiến ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc gửi Bộ Ngoại giao.

Báo cáo được lập theo mẫu do Bộ Ngoại giao hướng dẫn.

Điều 17. Đăng tải thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh²⁶ kịp thời đăng tải toàn văn bản thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Cục, cơ quan cấp Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới, các thông tin về sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, trừ trường hợp không đăng tải, công khai theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hoặc theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

2. Đơn vị đầu mối về hợp tác quốc tế thuộc bộ, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc đăng tải, công khai thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức công khai thỏa thuận quốc tế của mình bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của tổ chức, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức phù hợp khác, trừ trường hợp không đăng tải, công khai theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

²⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁶ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²⁷

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành²⁸

²⁷ Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và hỗ trợ chính quyền địa phương giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình xử lý các thỏa thuận quốc tế được kế thừa, báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị định này khi vượt quá thẩm quyền giải quyết.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hỗ trợ chính quyền địa phương giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) liên quan đến nguồn kinh phí chi cho việc tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế được kế thừa trong quá trình thực hiện Nghị định này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quy định tại khoản 4 Điều 5 được áp dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027."

²⁸ Trách nhiệm của các cơ quan trong việc xử lý các thỏa thuận quốc tế đã được ký kết được quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 117/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 3. Xử lý đối với các thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ký kết trước ngày 01 tháng 7 năm 2025

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kế thừa thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ký kết trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 (sau đây gọi là "thỏa thuận quốc tế được kế thừa"):

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đề xuất ký kết và cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật tên gọi mới của đơn vị hành chính trong các thỏa thuận quốc tế được kế thừa.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kế thừa thỏa thuận quốc tế:

a) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế được kế thừa.

b) Quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế mới nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thay thế thỏa thuận quốc tế được kế thừa trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở trao đổi, thống nhất với bên ký kết nước ngoài.

c) Quyết định việc áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của bên ký kết Việt Nam trong trường hợp thỏa thuận quốc tế được kế thừa bị vi phạm.

3. Trách nhiệm của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật tên gọi mới của đơn vị hành chính trong các thỏa thuận quốc tế được kế thừa.

b) Tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc trao đổi, thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc thay đổi cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế được kế thừa.

c) Thông báo với bên ký kết nước ngoài về việc kế thừa toàn bộ hoặc một phần thỏa thuận quốc tế được kế thừa.

d) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế được kế thừa.

đ) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế mới nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thay thế thỏa thuận quốc tế được kế thừa trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở trao đổi, thống nhất với bên ký kết nước ngoài.

e) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của bên ký kết Việt Nam trong trường hợp thỏa thuận quốc tế bị vi phạm.

4. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế được kế thừa:

a) Trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế được kế thừa, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

b) Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cho ý kiến.

c) Cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành ký hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký văn bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế với bên ký kết nước ngoài.

Điều 4. Xử lý đối với các thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Cục đã ký kết bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước

1. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Cục thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Cục đã ký kết:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đề xuất ký kết và cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Cục theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Rà soát quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

c) Thông báo, trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong thỏa thuận quốc tế (nếu có).

d) Thông báo với đối tác nước ngoài về việc kế thừa toàn bộ hoặc một phần thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chủ động tiến hành thủ tục sửa đổi quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Cục bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp sửa đổi thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Cục bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước chỉ liên quan đến tên gọi của bên ký kết Việt Nam, cơ quan cấp Cục trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi thỏa thuận quốc tế, không thực hiện xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 5. Xử lý đối với các thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan nhà nước cấp tỉnh bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

1. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp tỉnh thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan nhà nước cấp tỉnh đã ký kết:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đề xuất ký kết và cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Rà soát quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, trong đó bao gồm cả việc rà soát sự thay đổi quyền và nghĩa vụ của bên ký kết Việt Nam.

c) Thông báo, trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong thỏa thuận quốc tế và các quy định khác (nếu có).

d) Thông báo với đối tác nước ngoài về việc kế thừa toàn bộ hoặc một phần thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chủ động tiến hành thủ tục sửa đổi quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động (nếu có).

2. Trách nhiệm của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đề xuất ký kết và cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát quy định của thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, trong đó bao gồm cả việc rà soát sự thay đổi quyền và nghĩa vụ của bên ký kết Việt Nam.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật tên gọi mới của đơn vị hành chính trong các thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Thực hiện thông báo, trao đổi với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong thỏa thuận quốc tế và các quy định khác (nếu có) theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong thỏa thuận quốc tế và các quy định khác (nếu có).

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo với đối tác nước ngoài về việc kế thừa toàn bộ hoặc một phần thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan nhà nước cấp tỉnh bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp sửa đổi thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh bị tác động do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp chỉ liên quan đến tên gọi của bên ký kết Việt Nam, cơ quan cấp tỉnh chủ động tiến hành thủ tục sửa đổi thỏa thuận quốc tế, không thực hiện xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

Điều 6. Xử lý đối với các thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở đã ký kết bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

1. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Sở thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở đã ký kết:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đề xuất ký kết và cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Rà soát quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

c) Thông báo, trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong thỏa thuận quốc tế (nếu có).

d) Thông báo với đối tác nước ngoài về việc kế thừa toàn bộ hoặc một phần thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chủ động tiến hành thủ tục sửa đổi quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động (nếu có).

2. Trường hợp nhiều cơ quan khác nhau kế thừa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Sở thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ quan tiếp nhận thỏa thuận quốc tế trên cơ sở tham mưu của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp sửa đổi thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp chỉ liên quan đến tên gọi của bên ký kết Việt Nam, cơ quan cấp Sở gửi hồ sơ cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi thỏa thuận quốc tế, không thực hiện xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 7. Xử lý đối với các thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới đã ký kết bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

1. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới đã ký kết:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đề xuất ký kết và cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Rà soát quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

c) Thông báo, trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong thỏa thuận quốc tế (nếu có).

d) Thông báo với đối tác nước ngoài về việc kế thừa toàn bộ hoặc một phần thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chủ động tiến hành thủ tục sửa đổi quy định của thỏa thuận quốc tế bị tác động (nếu có).

2. Trường hợp nhiều cơ quan khác nhau kế thừa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ quan tiếp nhận thỏa thuận quốc tế trên cơ sở tham mưu của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh.

Điều 8. Xử lý đối với các thỏa thuận quốc tế nhân danh nhiều cơ quan, tổ chức bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước hoặc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

Trường hợp các bên ký kết Việt Nam thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước hoặc thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, cơ quan, tổ chức làm đầu mối ký kết của thỏa thuận quốc tế nhân danh nhiều cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 24 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 có trách nhiệm sau đây:

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,²⁹ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NGOẠI GIAO
Số: 4718/VBHN-BNG

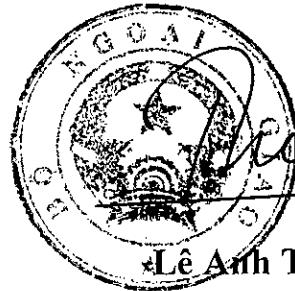
XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Ngoại giao;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Lưu: HC, LPQT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn
Lê Anh Tuấn

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức ký kết khác rà soát quy định của thỏa thuận quốc tế nhận danh nhiều cơ quan, tổ chức bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước hoặc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, trong đó bao gồm cả việc rà soát sự thay đổi quyền và nghĩa vụ của bên ký kết Việt Nam.

2. Chủ trì trao đổi, thống nhất với các cơ quan, tổ chức ký kết khác và đối tác nước ngoài về việc sửa đổi các quy định của thỏa thuận quốc tế nhận danh nhiều cơ quan, tổ chức nếu cần thiết.

3. Thông báo với phía đối tác nước ngoài về các thay đổi liên quan đến bên ký kết Việt Nam trong thỏa thuận quốc tế nhận danh nhiều cơ quan, tổ chức."

²⁹ Cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện" được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 177/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.